

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST  
Ngày 14 tháng 7 năm 2020  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Quốc Sách.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Bà Ngô Thị Lê Nga.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia  
phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 6 và ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐDS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị Kim L, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú: khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2019). (Có mặt)*

**2. Bị đơn:** Anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ), sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

*(Đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt)*

**3. Người làm chứng:** Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1964. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L và trình bày của ông Nguyễn Văn M, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình tố tụng, thì:***

Bà Trịnh Thị Kim L là người nuôi cá bè ở Sông Cái Vũng thuộc ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang. Vào ngày 08/08/2019 anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) đến xem bè cá rô phi của bà L và hỏi mua, bà L đồng ý bán, hai bên thỏa thuận mua bán giá 37.500 đồng/01kg, sau đó anh T (Đ) đem công nhân và ghe đến cân được 6.068,8kg (sau khi trừ bì) cá rô phi thành tiền là 227.580.000 đồng, khi cân cá xong anh T (Đ) kêu bà L và con rể bà L theo anh T (Đ) lên chợ thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang để anh rút tiền từ thẻ ATM trả cho bà L, đến nơi khi rút tiền xong anh T (Đ) nói chỉ rút được 50.000.000 đồng và đưa trả tạm cho bà L, anh T (Đ) hẹn số tiền còn lại đầu giờ chiều trong ngày anh T (Đ) sẽ vào Ngân hàng rút tiền thêm và đem đến nhà trả đủ cho bà L, bà L đồng ý, sau đó anh T (Đ) điện thoại cho bà L hẹn đến quán cà Phê ở thị xã Tân Châu trả tiền, nhưng khi bà L đến điểm hẹn thì không có anh T (Đ) mà chỉ có một người khác (không biết tên) đưa cho bà L 50.000.000 đồng nữa, tổng cộng số tiền bán cá bà L nhận được trước và sau trong ngày từ chỗ anh T (Đ) trả là 100.000.000 đồng, còn lại 127.580.000 đồng, sau đó bà L có điện thoại hỏi anh T (Đ) số tiền còn lại khi nào trả cho bà L thì anh T (Đ) trả lời là ngày 12/8/2019 sẽ mang số tiền còn lại đến nhà trả cho bà L, nhưng bà L đợi mãi anh T (Đ) không đến, bà L đến hỏi thăm gia đình thì không biết anh T (Đ) đi đâu (ít có ở nhà), do đó vào ngày 27/9/2019 bà L đến trình báo Công an xã L và Công an xã có mời, nhưng anh T (Đ) không đến, nên khi bà L đang trên đường đi về thì gặp anh T (Đ), liền đó bà L báo với Công an xã và Công an xã yêu cầu anh T (Đ) đến Công an xã giải quyết theo yêu cầu của bà L, lúc này có ông Huỳnh Văn Đ là trưởng ấp L chứng kiến, khi Công an làm việc thì anh T (Đ) thừa nhận nợ và anh T (Đ) xin giảm cho anh 3.580.000 đồng, còn lại 124.000.000 đồng anh T (Đ) sẽ trả dần, bà L cũng đồng ý, rồi anh T (Đ) có làm biên nhận nợ, có ông Đ chứng kiến xác nhận, nhưng từ khi làm biên nhận 27/9/2019 đến nay anh T (Đ) không thực hiện. Nay bà L khởi kiện yêu cầu anh Bùi Thanh T (Bùi Văn Đ) trả cho bà số tiền mua cá còn nợ là 124.000.000 đồng, không tính lãi.

***Bị đơn anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ):*** không có ý kiến tại Tòa án, mặc dù đã được thực hiện các bước về thủ tục tố tụng hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn không đến Tòa án lần nào.

***Trình bày của Người làm chứng ông Huỳnh Văn Đ tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020:*** Ông làm trưởng ấp L, xã L từ năm 2000 đến nay, hiện nay vẫn còn công tác. Vào tháng 09 năm 2019 thì bà Trịnh Thị Kim L có gửi đơn đến Ban nhân dân ấp L yêu cầu giải quyết việc Bùi Thanh T (tên gọi khác là Bùi Văn Đ) mua cá của bà không trả tiền, Ban nhân dân ấp Long H có mời T (Đ) đến hòa giải tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L 02 lần, nhưng T không đến, bà L thì có đến, tại lần mời hòa giải ngày 27/9/2019 thấy T (Đ) không đến nên mọi người chuẩn bị ra về thì thấy T (Đ) chạy xe ngang UBND xã, nên ông cùng Công an xã

đuổi theo T (Đ) và mời T (Đ) về Công an xã giải quyết việc bà L yêu cầu, tại Trụ sở Công an xã T (Đ) thừa nhận nợ bà L 124.000.000 đồng tiền mua cá chưa trả và cam kết 01 ngày sau trả nợ cho bà L và có ghi biên nhận cho bà L vào ngày 27/9/2019 do T (Đ) ký tên trước mặt ông và ông có ký chứng kiến.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy việc mua bán cá giữa nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L và bị đơn anh Bùi Thanh T không thực hiện bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng chứ không có làm hợp đồng mua bán. Tuy nhiên, việc mua bán được 02 bên thừa nhận, cụ thể về giá và số lượng; Hơn nữa sau khi cân cá xong anh T yêu cầu bà L cùng nhau đến thị xã Tân Châu rút tiền từ hệ thống ATM để trả tiền mua cá; Thực tế anh T đã trả cho bà L 02 lần trong cùng 01 ngày với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Vào ngày 27/09/2019, tại văn phòng ấp L, xã L thì anh T (Đ) đã thừa nhận có nợ của bà L số tiền mua cá là 124.000.000 đồng; đồng thời anh hẹn đến ngày 28/09/2019 sẽ trả cho bà 14.000.000 đồng và sẽ trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng, biên nhận có chữ ký xác nhận của ông Huỳnh Văn Đ, là Trưởng ấp chủ trì việc hòa giải. Trước đây, khi khởi kiện thì bà L có yêu cầu chị Võ Thị Ngọc L cùng trả nợ, nhưng ngày 14/5/2020 bà L có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh Bùi Thanh T (Đ) trả cho bà số tiền 124.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy bị đơn trong vụ án tên Bùi Thanh T, sinh năm 1984; Tên gọi khác Bùi Văn Đ. Địa chỉ: Tổ 03, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Việc mua bán không có làm hợp đồng nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn thì bị đơn anh T có thừa nhận việc mua bán, có trả được 100.000.000 đồng. Đến ngày 27/09/2019 có làm biên nhận nhận nợ, có chữ ký xác nhận của ông Trưởng ấp Huỳnh Văn Đ. Hơn nữa, trong biên nhận ngày 27/09/2019 thì là Bùi Văn Đ. Nhưng trong hồ sơ đã thể hiện được anh Bùi Thanh T và Bùi Văn Đ là 01 người do Ủy ban Nhân dân xã L xác nhận.

Từ phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là L có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, buộc anh Bùi Thanh T (Bùi Văn Đ) trả cho bà Trịnh Thị Kim L số tiền nợ gốc 124.00.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về việc mua bán tài sản (cá), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa phận huyện H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) trong quá trình tố tụng đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều không đến và hai lần triệu tập hợp lệ để xét xử cũng vắng mặt không lý do, đối với người làm chứng ông Huỳnh Văn Đ cũng đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có mặt, đều đề nghị tiếp tục phiên tòa, là có cơ sở nên căn cứ vào các Điều 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ; Tại đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L yêu cầu cả vợ bị đơn Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) là chị Võ Thị Ngọc L cùng liên đới trả nợ, nhưng đến ngày 14/02/2020 nguyên đơn Trịnh Thị Kim L có đơn xin thay đổi yêu cầu là không yêu cầu đối với chị Võ Thị Ngọc L (vợ anh T) cùng liên đới trả nợ nữa, mà chỉ còn yêu cầu một bị đơn anh Bùi Thanh T (Đ) trả nợ. Xét thấy đây là sự tự nguyện khởi kiện yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L, phù hợp với Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên chấp nhận và không xem xét đến đương sự khác.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bị đơn Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) trả số tiền mua cá còn thiếu là 124.000.000 đồng (đã thay đổi yêu cầu không tính lãi suất), nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa lần hai thì bị đơn anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) đều vắng mặt không lý do, nên không có ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ các thủ tục triệu tập bị đơn, do đó bị đơn hoàn toàn chịu hậu quả của việc không đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án.

Theo nguyên đơn bà Kim L đưa ra chứng cứ chứng minh cho việc mình kiện là có căn cứ và hợp pháp là tờ giấy nhận nợ của bị đơn anh T (Đ) ký tên vào ngày 27/9/2019 có ông Huỳnh Văn Đ chứng kiến (đã được cung cấp tại hồ sơ vụ án). Hội đồng xét xử, nhận thấy: Mặc dù không làm việc được với bị đơn anh T (Đ), nhưng căn cứ vào biên nhận nợ ngày 27/9/2019 mà anh T (Đ) đã ký nhận tại trụ sở Công an xã L, có ông Huỳnh Văn Đ – Trưởng ấp L ký tên chứng kiến, xác nhận đúng chữ ký tên của anh T (Đ) trong tờ giấy nhận nợ ngày 27/9/2019 với nội dung anh T (Đ) thừa nhận nợ nguyên đơn bà Kim L số tiền 124.000.000 đồng. Do đó đủ căn cứ kết luận bị đơn anh Bùi Thanh T (Đ) có mua cá của nguyên đơn bà Kim L và hiện còn thiếu tiền mua cá là sự thật, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim L là có cơ sở chấp nhận; buộc anh T (Đ) có nghĩa

vụ trả tiền mua cá còn thiếu cho nguyên đơn bà Kim L là 124.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Từ nhận định trên thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147, 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 440 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L, về việc yêu cầu bị đơn anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) trả tiền mua cá còn thiếu là 124.000.000 đồng.

2. Buộc bị đơn anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) trả tiền mua cá còn thiếu cho nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L là 124.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án dân sự phí sơ thẩm:

- Bị đơn anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 6.200.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 3.177.000 đồng, tại biên lai thu số: BH/2018 0001085 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/7/2020). Bị đơn anh Bùi Thanh T (tên gọi khác Bùi Văn Đ) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

**Lâm Quốc Sách**